

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST  
Ngày: 15 - 12- 2023  
“V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Trần Kim Thành  
Văn Được 2/ Ông Nguyễn

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/DS - ST ngày 21 - 6 - 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐ-HPT ngày 15 - 11 - 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị Mai T**, sinh năm 1985 (có mặt).

*Địa chỉ:* **Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.**

*Bị đơn:* Ông **Lâm Đình T1**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

*Địa chỉ:* **Khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.**

*Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông T1:* Luật sư **Trịnh Minh T2**  
- **Công ty L**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Đào Thị Mai T** trình bày:*

Ngày 02/6/2022, ông **Lâm Đình T1** vay của bà **Đào Thị Mai T** số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), không tính lãi suất, việc vay tiền ông **T1** có viết giấy nhận nợ, hẹn 02 tháng sau (ngày 02/8/2022) sẽ thanh toán.

Đến ngày 20/10/2022, ông T1 vay tiếp bà T số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), không tính lãi suất, có viết giấy nhận nợ, hẹn 03 tháng sau sẽ thanh toán luôn cả 02 khoản vay. Trong quá trình vay, ông T1 có thanh toán cho bà T được số tiền nợ gốc, cụ thể như sau:

Ngày 18/6/2022, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ngày 30/8/2022, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngày 30/9/2022, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 04/11/2022, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Ngày 06/01/2023, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngày 06/02/2023, ông T1 thanh toán cho bà T bằng chuyển khoản được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngày 12/5/2023, ông T1 thanh toán cho bà T bằng tiền mặt được 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Như vậy, ông T1 thanh toán cho bà T 07 lần với tổng số tiền 119.000.000 đồng. Sau đó, ông T1 không thanh toán nữa mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu.

Nay, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Đình T1 thanh toán cho bà số tiền còn lại là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu tính lãi suất 1,5%/năm từ ngày khởi kiện cho nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nội dung không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên nữa. Ngoài ra, bà T không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Đình T1 trình bày:*

Ông Lâm Đình T1 với Đào Thị Mai T là bạn cùng chơi chung với nhau, khoảng tháng 6/2022 bà T bán cho ông T1 chiếc xe Ô tô hiệu Honda City biển số 51G-947.04 đứng tên ông Nguyễn Văn A, với giá 380.000.000 đồng, việc mua bán hai bên không làm giấy tờ gì, khi nhận xe ông T1 thanh toán cho bà T số tiền 150.000.00 đồng, còn lại 230.000.000 đồng hẹn từ ngày 20 - 30/9/2022 ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 170.000.000 đồng thời hạn cuối phải thanh toán là ngày 20/10/2022.

Khi đến hạn khoảng từ ngày 20 đến 30/9/2022, ông T1 đã thanh toán cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 20/10/2022 do ông T1 chưa thanh toán được số tiền như đã hứa nên ông có viết cho bà T giấy nhận nợ với số tiền 170.000.000 đồng.

Sau đó ông T1 có thanh toán cho bà T thêm nhiều lần tiền (tất cả đều chuyển khoản vào tài khoản bà T), nên nay ông T1 chỉ còn nợ tiền mua chiếc xe nêu trên của bà T là 160.000.00 đồng.



Đối với số tiền 170.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 02/6/2022 thì thật chất chỉ là 01 khoản nợ mua xe nhưng ông T1 viết nhận nợ với bà T 02 lần ở 02 thời điểm khác nhau.

Nay, bà T yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 220.000.000 đồng và tính lãi suất 1,5%/năm từ ngày khởi kiện cho nay thì ông T1 có ý kiến như sau: Tính theo số tiền ông T1 mua chiếc xe nêu trên của bà T thì ông còn nợ bà T số tiền 160.000.000 đồng chứ không phải 220.000.000 đồng. Nhưng sau khi nhận xe từ bà T, ông T1 sử dụng xe được một thời gian ngắn thì bị Ngân hàng TMCP Q thu giữ vì cho rằng chủ chiếc xe đang nợ tiền ngân hàng, nên nay ông không đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà T.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn ông T1 trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn kèm theo giấy nhận nợ đề ngày 02/6/2022 và 20/10/2022 thể hiện bị đơn ông Lâm Đình T1 vay của bà Đào Thị Mai T 02 lần, mỗi lần vay 170.000.000 đồng. Tổng số tiền vay 340.000.000 đồng và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 07 lần với tổng số tiền 119.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại 220.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T1 cho rằng trước đó ông mua của bà T chiếc xe Ô tô hiệu Hon da City biển số 51G-947.04 với giá 380.000.000 đồng, ông T1 đã thanh toán cho bà T nhiều lần và đến ngày 20/10/2022 ông còn nợ lại số tiền 170.000.000 đồng chưa thanh toán được nên ông viết cho bà T giấy nhận nợ 170.000.000 đồng, sau khi viết giấy nhận nợ thì ông đã thanh toán thêm cho bà T nên nay còn nợ bà T số tiền 160.000.000 đồng; đối với giấy vay nợ ngày 02/6/2022 ông T1 thừa nhận chữ ký của ông nhưng cho rằng không hiểu vì sao ông ký vào giấy này và ông khẳng định ngoài lần mua xe của bà T ra ông không làm ăn hay vay mượn gì của bà T. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 trình bày như trên nhưng ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, như: Giấy vay nợ ngày 20/10/2022 thể hiện là tiền ông T1 mua xe của bà T rồi nợ lại chứ không phải vay tiền mặt của bà T và ông đã thanh toán cho bà T nhiều lần nay còn nợ 160.000.000 đồng chứ không phải 220.000.000 đồng như lời trình bày của bà T; mặt khác tại bản lời khai ngày 25/8/2023 ông T1 cam kết sẽ cung cấp cho tòa án chứng cứ số tiền ông đã thanh toán cho bà T nhưng đến nay ông không cung cấp mà không có lý do; còn giấy vay nợ ngày 02/6/2022 thì ông cũng không đưa ra được lý do, chứng cứ để chứng minh ông không nợ bà T. Nên có căn cứ khẳng định, ngày 02/6/2022 và ngày 20/10/2022 ông Lâm Đình T1 vay của bà T 02 lần, mỗi lần 170.000.000 đồng và



đã thanh toán được 07 lần với tổng số tiền 119.000.000 đồng thì ông T1 còn nợ bà T số tiền 221.000.000 đồng nhưng bà T chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 220.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463 và 468 và 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu tính lãi suất 1,5%/năm của số tiền 220.000.000 đồng từ ngày khởi kiện (ngày 18/5/2023) cho đến nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T xin rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu này của bà T.

Về án phí dân sự sơ thẩm, cần buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn hiện cư trú tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lâm Đình T1 vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 đã trình bày ý kiến, quan điểm của mình, Tòa án cũng đã triệu tập ông T1 đến tòa để tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Mai T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lâm Đình T1 thanh toán số tiền nợ gốc đã vay ngày 02/6/2022 và 20/10/2022, với tổng số tiền 220.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T1 cho rằng, phía dưới 02 giấy vay nợ nêu trên là do ông ký. Tuy nhiên, giấy vay nợ đề ngày 02/6/2022 với số tiền 170.000.000 đồng không hiểu vì sao ông ký vào giấy này nhưng ông không vay mượn hay làm ăn gì với bà T cả; Còn giấy vay ngày 20/10/2022, thì khoảng tháng 6/2022 bà T bán cho ông chiếc xe Ô tô hiệu Hon da City biển số 51G-947.04 với giá 380.000.000 đồng, ông T1 đã thanh toán cho bà T nhiều lần và còn nợ lại 170.000.000 đồng hẹn đến ngày 20/10/2022 ông sẽ thanh toán cho bà T nhưng đến ngày đó ông chưa thanh toán được nên viết lại cho bà T 01 giấy nhận nợ đề ngày 20/10/2022 và sau đó ông đã thanh toán thêm nên nay còn nợ bà T số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp “*Giấy nhận nợ*” phía dưới có chữ ký nhận nợ của bị đơn ông Lâm Đình T1 và trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 cũng đã thừa nhận chữ ký của mình. Ông T1 cho rằng, hiện nay ông còn nợ bà T số tiền 160.000.000 đồng và 02 giấy vay tiền trên chỉ là 01 khoản nợ tiền mua xe chứ không phải ông vay tiền mặt của bà T. Lời trình bày này không được bà T thừa nhận mà cho rằng ông T1 vay tiền mặt của bà T và hiện còn nợ 220.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T1



cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 02/6/2022 và ngày 20/10/2022 ông **T1** vay của bà **T** 02 lần, mỗi lần 170.000.000 đồng, tổng số tiền 340.000.000 đồng và đã thanh toán được 07 lần với tổng số tiền 119.000.000 đồng, còn nợ lại 221.000.000 đồng chưa thanh toán, nhưng nay bà **T** chỉ yêu cầu ông **T1** thanh toán số tiền 220.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,5%/năm từ ngày khởi kiện (ngày 18/5/2023) cho đến nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà **T** xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà **T** về tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu này là phù hợp.

[5] Ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đào Thị Mai T**, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông **Lâm Đình T1** thanh toán cho bà **Đào Thị Mai T** tổng số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Lâm Đình T1** phải nộp 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*).

Bà **Đào Thị Mai T** không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004942 ngày 21-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn bà **Đào Thị Mai T** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông **Lâm Đình T1** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**  
**Ngô Văn Dương**